TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24- 10- 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tố Quyên

2. Ông Nguyễn Tất D

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Tạ Thị T**, sinh năm 1983- Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm KC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Xóm GT, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Bị đơn: **Anh Hoàng Văn P**, sinh năm 1979- Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm KC, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Kim Cương, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, do đó cuối năm 2008 chị đã về bên ngoại ở và sau đó đi làm ăn xa, quá trình chị

đi làm ăn xa, anh P ở nhà không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè say xỉn, thi thoảng chị có về thăm nhà, thăm con thì thấy anh P luôn trong tình trạng tinh thần không tỉnh táo, lúc nào cũng có hơi men trong người, vợ chồng không thể nào nói chuyện được với nhau.

Đến nay, chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 04/07/2003 và Hoàng Văn D, sinh ngày 10/10/2005, hiện các con đang sống cùng với anh P. Quan điểm, chị tôn trọng sự lựa chọn của các con, các con mong muốn được tiếp tục sống với bố và bà nội sau khi bố mẹ ly hôn vì hiện tại các con đang sinh sống và học tập ổn định tại xã CT thì chị cũng đồng ý, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 con/01 tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Tại Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Hoàng Văn P trình bày:

Anh và chị Tạ Thị T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Kim Cương, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002 đến năm 2009 chị T đi xuất khẩu lao động rồi sau đó không trở về sống với chồng con nữa, vợ chồng đã sống ly thân tới nay được 10 năm. Thời gian trước chị T có về nhà và mang theo đơn ly hôn đề nghị anh ký, nhưng anh không ký vì chị T tự ý bỏ chồng chứ không phải do anh đuổi đi; do vậy, nếu chị T muốn ly hôn thì phải tự đi làm thủ tục ly hôn đơn phương, quan điểm của anh là không thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 04/07/2003 và Hoàng Văn D, sinh ngày 10/10/2005, hiện nay hai con đang sống cùng với anh. Nguyện vọng của anh sau khi vợ chồng ly hôn anh muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả 02 con chung, về cấp dưỡng nuôi con tùy thuộc vào khả năng của chị T.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Tại Đơn đề nghị của con chung, hai cháu Hoàng Thị Kim Th và Hoàng Văn D đều có nguyện vọng trường hợp bố mẹ ly hôn các cháu muốn được tiếp tục sống với bố vì hiện tại các cháu đều đang sinh sống và học tập ổn định tại xã CT, môi trường quen thuộc.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của đương sự. Kết quả xác định quá trình

chung sống vợ chồng đúng như anh P và chị T trình bày. Từ năm 2009 đến nay chị T đi làm ăn xa và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay đã được hơn 10 năm.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Tạ Thị T, cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 04/07/2003 và Hoàng Văn D, sinh ngày 10/10/2005 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận việc chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con cho tới khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Tạ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Tạ Thị T với bị đơn anh Hoàng Văn P, cùng cư trú tại: xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Hoàng Văn P theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh Hoàng Văn P không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T có mặt, bị đơn anh P vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào

các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn P.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Tạ Thị T kết hôn với anh Hoàng Văn P năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Kim Cương, xã CT, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P thường xuyên uống rượu. Từ năm 2009 đến nay vợ chồng sống đã ly thân, thời gian sống ly thân, hai bên ít liên lạc và cũng không quan tâm gì tới nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không đến Tòa án theo yêu cầu để tham gia phiên hòa giải, điều đó cho thấy anh P không còn thiện chí mong muốn giữ gìn và níu kéo cuộc hôn nhân của mình.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Tạ Thị T và anh Hoàng Văn P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tạ Thị T là có cơ sở chấp nhận, cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn P là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 04/07/2003 và Hoàng Văn D, sinh ngày 10/10/2005, hiện nay hai con đang sống cùng với anh P, các con đều có nguyện vọng muốn được sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Chị T nhất trí và sẽ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con. Về phía anh P cũng nhất trí, còn việc cấp dưỡng nuôi con tùy thuộc vào khả năng của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai con chung đều đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn được sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn, trên thực tế hiện tại hai con chung đang sống cùng với anh Phúc, cuộc sống sinh hoạt và học tập đang ổn định, anh P có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao 02 con chung cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con cho tới khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Tạ

Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Tạ Thị T, cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao 02 con chung là Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 04/07/2003 và Hoàng Văn D, sinh ngày 10/10/2005 cho anh Hoàng Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Chị Tạ Thị T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con cho tới khi 02 con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Tạ Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Tạ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016449 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Tạ Thị T còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Tạ Thị T, vắng mặt anh Hoàng Văn P. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã CT, huyện ĐH;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Huy Bắc